

教育部高等学校特色专业

云南民族大学东南亚语种群建设点规划系列教材

Giáo trình cơ sở tiếng Việt

越语基础教程

IV

吕士清 编著



云南大学出版社

教育部高等学校特色专业

云南民族大学东南亚语种群建设点规划系列教材

GIÁO TRÌNH CƠ SỞ TIẾNG VIỆT

越语基础教程

(IV)

云南大学出版社

图书在版编目 (CIP) 数据

越语基础教程. 4/吕士清编著. —昆明: 云南大学出版社, 2010

ISBN 978 - 7 - 5482 - 0026 - 0

I. ①越… II. ①吕… III. ①越南语—高等学校—教材 IV. ①H44

中国版本图书馆 CIP 数据核字 (2010) 第 026628 号

越语基础教程 4

吕士清 编著

责任编辑: 邓立木 李 红
封面设计: 丁群亚
出版发行: 云南大学出版社
印 装: 云南大学出版社印刷厂
开 本: 787mm × 1092mm 1/32
印 张: 11
字 数: 306 千
版 次: 2010 年 3 月第 1 版
印 次: 2010 年 3 月第 1 次印刷
书 号: ISBN 978 - 7 - 5482 - 0026 - 0
定 价: 31.00 元

社 址: 云南省昆明市一二一大街 182 号
云南大学英华园内 (邮编: 650091)
发行电话: (0871) 5033244, 5031071
网 址: <http://www.ynup.com>
E - mail: market@ynup.com

序 言

越南河内国家大学社会与人文科学大学 陈智睿博士、副教授
语言学系副主任、民族语言与文化教研室主任

中国云南民族大学外语学院越语教研室副教授吕士清编著的《越语基础教程》全套包括四册综合课和三册阅读课，是供初学越语的大学生使用的一整套教材。本书的第一个优点是课文内容比较丰富，采用了越南人日常生活中多种不同的题材。为此，教程提供了比较多样的基础词汇供学生学习，通过学习本书，学生能具备足够的条件来实现符合当今越南人生活的交际情景。

作为供教授初学越语者的教材，编撰者在教程中优先注意到了语音方面的训练。这种重视语音的选择是非常正确与合理的，符合越语——一个有复杂语音、声调系统的单音节语言——的特点。因此，教程具有交际语言教学的价值，而这也正是基础教程的首要任务。另一方面，本书还建立了一套精工而切实的练习系统，帮助学生巩固教师教授本书所学得的知识。在学习中，如果学生努力完成了教程中的作业，则收到的效果将会非常稳固。

本书内容丰富，科学性、实用性强，按照符合越南人当今生活主题而安排的课文分布合理。同时，教程中所用的越语非常贴近当代越南人使用的越语，这是编撰者的又一个优点，近些年来不是所有越语教材编撰者都能做到这一点的。

还有一点要说的，吕士清副教授在教程编好后，寄到河内国家大学社会与人文科学大学语言学系请求审阅修改。语言学系

请越语教学实践经验丰富的教育家、语言学系越语实践中心主任阮高谭博士、教授提出了一些具体的修改意见。

我们认为，根据以上所分析的内容和撰写方式的优点，吕士清副教授的《越语基础教程》是一部好书，它有利于初学越语者学习越语并了解越南。因此，本书还有向中国人民介绍越南的作用，它为加强两国人民之间悠久的友好睦邻关系作出了贡献。

根据上述精神，我们欢迎这部书得以印刷出版，并作为云南民族大学越语专业的教程。同时郑重向越语师生们和关心越语学习的人们介绍《越语基础教程》，并祝使用本教程者在越语教学和越语学习中取得良好的效果。



陈智睿

2003年1月27日于河内

编者说明

《越语基础教程》一、二、三、四册为供大学本科或专科越语专业基础阶段（第一、二学年）基础越语综合课使用的教材，每学期教一册。此外，在第二、三、四学期，还有与之配套的《阅读》教程。本书也可供其他自学越语的人员使用。

本套教程力图按照北京大学、北京外国语大学、北京对外经贸大学、广东外语外贸大学、广西民族学院、云南民族学院、解放军国际关系学院和解放军外国语学院八所高等院校共同制定的《高等学校越南语专业基础阶段教学大纲》的精神、标准和要求进行编写。

考虑到现在大学外语专业的总学时已压缩到2800学时以下，为尽量减轻学生的压力，本书内容尽量精简，并尽力使学习者学到最需要、最基本、最实用的知识。考虑到本书供中国学生学习越语使用以及自学越语者使用，因此针对中国学生的特点，注释单词不仅词义较详细，还加注了一些词语搭配释例，并且注明该词的词性，汉越音字还注明相对应的汉字，汉越音词也在注释中突出原汉语词，以供学习者自学、复习，充分利用学习者已掌握的汉语知识，使他们学会认知汉越音词，并能举一反三，逐步掌握汉越音系统，更快更主动地学到更多的越语。当然，对汉越音词不能机械地一味滥用，因为有些汉越音词已经发生了词义和用法上的变化，与原汉语词相比已经有不小的差异，有的甚至完全相反。本书中已注意到这一特点，在适当的章节加以讲解和说明。在记忆汉越音词时，注意不要把汉越音词的原字义与现代词义混为一谈，例如 y tá 一词，其现代词义是“护士”，不能把“医佐”

当成词义。

本书第一册为语音入门课，将语音和入门课为一体，从第一课就开始学说话，提高学习的兴趣，使所学的语音得以在单词、句型练习、会话和作业中得到练习巩固，避免语音阶段枯燥地单纯练习语音而产生厌学情绪。因此，在安排每课的生词时，注意到该课的生词尽可能周全地体现该课以及前面已学的语音，而不能出现未学的语音，这样语音和句型练习、对话练习相互照顾、相互配合。第一册共 11 课，除第十一课外，每课新学三个句型，并复习巩固上一课的句型，全册共 30 个越语最基本的句型。第一册每课大致由句型和语音提要、句型练习、会话课文（有的课有小短文，第十一课为文章体短文）、课堂用语、生词表、语法与注释、语音、书写法、作业练习等部分组成，作业练习又由语音练习、口语练习、听力练习、口译练习、笔头练习等部分组成。第二册共 11 课，每课大致由常用语句、会话课文或文章体课文、语法与注释、生词表、作业等部分组成。第三、四册每册共 10 课，每课大致由会话或文章体课文、生词表、语法与注释（有的课有翻译法）、作业练习等部分组成。任课教师可根据不同的教学方法、特点来决定每课教学的顺序和步骤。

本教程第二册以功能专题为主线来安排课程，学习越语交际中最基本、最常见的功能项目的常用语，并在一定的情景对话中加以体现，同时继续介绍和练习一些常用基本句型。第三、四册按照情景课题来安排，同时注意继续介绍一些基本句型和常用功能句型。

本教程第一册约 770 个词，其余各册约 1000 个词（包括与综合课配套的阅读课的词汇），共计 4000 余个注明词义的词，加上生词表上没有注，而在注释、课文、作业等部分中出现的要求学生利用汉越音知识和越语造词规则自行掌握的词语（多数是

词义无变化或变异不大的汉越音词以及人名、地名，少数是越语词和越化汉音词），则总词量将超过5 000个。

为使初学者复习或自学越语语音，本书第一册配有由越南朋友录制的音带，学习者可以边学、边听、边读，反复模仿练习，逐步熟练掌握和提高自己的听说能力。

本套教程在编写和修订过程中得到了越南社会科学中心语言学研究院阮文康博士，河内国家大学社会人文科学大学语言学系教授阮高谭博士，来云南民族学院任教的越籍教师黄氏梅香硕士、裴妙翠学士，以及部分越南在昆留学生的鼎力帮助，认真进行了修改、指正，并承蒙河内国家大学社会人文科学大学陈智睿博士、副教授为本书作序，南京国际关系学院昆明分院张卫民副教授审阅校改。在此，谨向他们致以衷心的感谢。

本套教程得以正式出版，编者还要十分感谢云南民族大学有关方面和云南大学出版社的大力支持。

本套教程力图做到实用性强、语言新、易上口，有较好的科学性、趣味性，但书中难免诸多疏漏、错误和不尽如人意之处，敬请专家和广大读者不吝赐教。

吕士清

2003年6月于昆明

MỤC LỤC

Bài 1 Nói chuyện về ăn tết	1
Bài hội thoại	1
Ăn tết ở Việt Nam	1
Bài đọc	4
Tết quê	4
Từ mới	6
Ngữ pháp và chú thích	16
1. 越南的文字: 汉字——喃字——国语字	16
2. Mấy / biết mấy / biết bao / biết bao nhiêu / biết chừng nào	20
3. Hồ Hoàn Kiếm	21
4. Men	21
5. Xông nhà	21
6. Giông	22
7. Nêu	22
8. Tam cúc	22
9. Lon ton	22
10. Quan họ	22
Bài tập	22
Bài 2 Chính sách đối ngoại	28
Bài hội thoại	28
Nói về biện pháp chính sách ngoại thương	28
Bài đọc	32
Phương châm chung và nguyên tắc cơ bản về chính sách đối ngoại của Trung Quốc	32
Từ mới	36
Ngữ pháp và chú thích	43

1. 专有名词大写的一般规则	43
2. 外来语缩写词	45
3. 越语的长句	49
Bài tập	51
Bài 3 Cửa khẩu	60
Bài hội thoại	60
Qua cửa khẩu	60
Kiểm tra hải quan trên xe lửa	63
Bài đọc	65
Hải quan	65
Từ mới	67
Từ ngữ bổ sung	71
Ngữ pháp và chú thích	73
1. 动词的构成简介	73
2. 多重复句	75
3. AIDS / SIDA	75
4. Cách dịch tham khảo	76
Bài tập	76
Bài 4 Tiếp đãi	82
Bài hội thoại	82
Đón khách	82
Bàn về chương trình hoạt động	85
Từ mới	88
Ngữ pháp và chú thích	93
1. 外位成分	93
2. 紧缩复句	94
3. 越语的方言	95
4. Cách dịch tham khảo	97
Bài tập	98

Bài 5 Gặp mặt	101
Bài hội thoại	101
Gặp mặt	101
Bài đọc	103
Vui thăm miền Tây Bắc Trung Quốc	103
Từ mới	106
专有名词的译法	112
1. 音意兼译	112
2. 音译	112
3. 意译	116
4. 音译加意译	117
5. 翻译中的注意事项	119
关于诗歌的翻译	122
1. 确切理解原诗	123
2. 神似第一, 形似第二	123
3. 注意选词炼句	125
4. 讲求韵律	125
5. 还原译诗	127
6. 适当利用音译法	127
7. 态度谦恭	127
Bài tập	127
Bài 6 Ngân hàng và tiền tệ	140
Bài hội thoại	140
Gửi tiết kiệm ngân hàng	140
Đổi tiền ở hiệu vàng bạc	142
Từ mới	144
Từ ngữ bổ sung	147
Ngữ pháp và chú thích	150
1. Ra 的用法小结	150

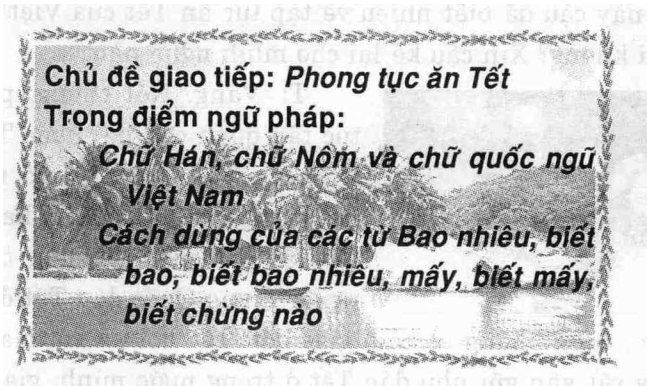
2. 类词 con 的用法补充	153
3. 不加类词の場合	153
4. 复合量词	155
5. Đất / rẻ	155
6. Cách dịch tham khảo	155
Bài tập	156
Bài 7 Xử lý tình hình khẩn cấp	160
Bài hội thoại	160
Anh bị làm sao?	160
Vào bệnh viện Trung y	162
Tôi bị sái cổ rồi	164
Từ mới	165
Từ ngữ bổ sung	169
Ngữ pháp và chú thích	176
1. Mệt	176
2. Cập nhiệt độ	176
3. 医药术语的翻译法	176
4. 现代汉语语音与汉越音对照概要	176
Bài tập	189
Bài 8 Sở thích	197
Bài hội thoại	197
Anh có những sở thích gì?	197
Bài đọc	200
Múa rối nước	200
Từ mới	201
Từ ngữ bổ sung	204
Ngữ pháp và chú thích	210
1. 越语语汇的发展	210
2. Chú Tễu	214
Bài tập	214

Bài 9 Công nghiệp	221
Bài hội thoại	221
Trên đường đi nhà máy	221
Tham quan nhà máy	223
Bài đọc	224
Chất liệu siêu đẳng của thế kỷ XXI (1)	224
Từ mới	227
Từ ngữ bổ sung	233
Ngữ pháp và chú thích	234
1. Tri	234
2. Đi	234
3. Cách dịch tham khảo	234
Bài tập	235
Bài 10 Nông nghiệp	243
Bài hội thoại	243
Tham quan nông thôn và xí nghiệp hương trấn	243
Bài đọc	247
Chất liệu siêu đẳng của thế kỷ XXI (2)	247
Từ mới	248
Ngữ pháp và chú thích	254
1. 地积的译法	254
2. Thành thị / thành phố	255
3. Thôn / làng	255
4. chăm sóc đồng ruộng	255
5. Nghĩa là	255
Bài tập	256
PHẦN ĐỌC HIỂU	263
Bài 1	265
Chợ Tết vùng biên	265

Bài 2	273
Quà Tết	273
Bài 3	281
Nhân viên ngoại giao và lãnh sự	281
Bài 4	286
Hai nước Trung Việt đặt mối quan hệ ngoại giao	286
Bài 5	292
Hồ Chủ tịch đi nghỉ phép ở Rừng Đá Lộ Nam	292
Bài 6	299
Cách làm ca dao	299
Bài 7	302
Thoát “hang hùm miệng rắn” lại gặp “tư mã phanh thây”	302
Tết con trâu	303
Bài 8	306
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	306
Công ty Gạch ngói Long Bình	307
Những từ ngữ thường dùng về quảng cáo	310
Bài 9	314
Phát hiện mới về tác dụng của aspirin	314
Bài 10	318
Chữa bệnh không dùng thuốc – Hướng dẫn tự xoa bóp	318
Bài 11	324
Tính biểu trưng của nghệ thuật thanh sắc	324
Bài 12	333
Làm giàu bằng nghề cá	333

● BÀI 1 ●

NÓI CHUYỆN VỀ ĂN TẾT



BÀI HỘI THOẠI

ĂN TẾT Ở VIỆT NAM

M: Thông ơi, nghe nói trong những ngày nghỉ đông, cậu đã đi Việt Nam, có phải không?

T: Ừ, nhận lời mời của một bạn Việt Nam, tôi đã đi thăm gia đình bạn ấy ở Hà Nội, và ăn Tết ở đó.

M: Cậu đến Hà Nội ngày nào?

T: Sáng 23 Tết, Minh ạ.

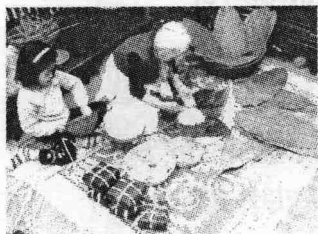
M: Ngày 23 Tết à?

T: Ừ. Bắt đầu từ ngày 23 tháng chạp, người ta đã gọi là 23 Tết rồi.

M: Sao thế nhỉ?

T: Bởi vì người ta cứ tin ngày 23 tháng chạp là ngày ông Táo quân lên châu trời.

M: À, theo tập tục cũ của nước ta, ngày ấy cũng đúng là ngày đưa ông vua bếp tức ông Táo quân lên châu trời. Chắc hẳn này cậu đã biết nhiều về tập tục ăn Tết của Việt Nam phải không? Xin cậu kể lại cho mình nghe nào.



T: Vâng. Nói chung, phong tục tập quán của hai nước Trung Quốc và Việt Nam tôi có nhiều nét giống nhau, tình cảm hai dân tộc rất gần gũi, cho nên tuy là người Trung Quốc đón Tết ở Việt Nam, cũng không có cảm giác đón Tết nơi xa xứ, mà cảm thấy rất gần gũi như đón Tết ở trong nước mình, gia đình mình vậy.

M: Cậu có thể tóm tắt lại những đặc điểm phong tục tập quán đón Tết của Việt Nam được không?

T: Được. Tôi thấy, việc quan trọng nhất là đoàn tụ gia đình. Có nhiều gia đình, nhân dân Việt Nam có phong tục sum họp gia đình trong mấy ngày Tết. Dù ở xa mấy, nhưng Tết đến là mọi thành viên đều tập trung trong gia đình để chúc một năm mới mạnh khỏe, vạn sự tốt lành, làm ăn thành đạt. Tôi thấy nét đặc trưng đón Tết ở Việt Nam gắn liền với cành đào, cành mai, chậu quất, bánh chưng và mâm cỗ thịnh soạn.



M: Theo quan niệm văn hoá xưa của Việt Nam, việc “ăn” là quan trọng nhất. Có lẽ vì bữa cơm ngày Tết rất đặc biệt,

khác với những bữa cơm bình thường. Người ta có câu “đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết” mà.

T: Cậu nói cũng đúng. Nhưng trong những năm gần đây, do thu nhập nhiều gia đình mỗi năm một tăng, đời sống ngày thường chẳng khác gì những ngày Tết, mà sức mua giảm, vì người dân có ý thức tiết kiệm, điều chỉnh trong chi tiêu và mua sắm, chỉ mua vừa đủ để vui trong mấy ngày Tết, không lãng phí, không mua sắm tích trữ, nên giá cả trong dịp Tết ít biến động. Nếp sinh hoạt mới trong dịp Tết đã xuất hiện hiện tượng chuyển từ “ăn Tết” sang “chơi Tết”, “vui Tết”. Ngày Tết, với người thành phố, không cần nhiều cảnh ăn uống quá độ, nhậu nhẹt mà là những ngày dành cho vui chơi, giải trí, thăm hỏi chúc xuân bạn bè, người thân.

M: Thế trong những ngày Tết có tổ chức những hoạt động vui chơi không?

T: Có, nhiều nơi tổ chức các trò vui chơi giải trí mang nét đặc sắc như chơi gà, chơi cờ tướng, khiêu vũ, nhảy đi-xcô, hát ka-ra-ô-kê v.v... Có một số người đi du lịch trong những ngày Tết, nhiều người đi trải hội, đến các đền chùa cầu mong một năm làm ăn phát đạt, mọi sự tốt đẹp. Ở Hà Nội, rất nhiều thanh niên vẫn đi dạo quanh hồ Hoàn Kiếm vào dịp Tết.

M: Dân Việt Nam có treo câu đối Tết không?

T: Có nhiều gia đình vẫn còn thích treo câu đối Tết trong nhà, có một số viết bằng chữ quốc ngữ, có một số viết bằng chữ nôm, cũng có số ít câu đối viết bằng chữ nho, tức chữ Hán.

M: Thích nhỉ. Tết này cậu vui thật đấy.